

Số: 59 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2019)**

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22/7/2010 của Bộ Chính trị về việc đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao; Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2019) trên địa bàn thành phố Hà Nội, như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc; nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân Thủ đô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là quan tâm đến thương bệnh binh, thân nhân liệt sỹ và người có công với cách mạng (sau đây viết tắt là NCC).

- Tổ chức các hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm, tình cảm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân Thủ đô đối với việc thực hiện chính sách ưu đãi NCC, hướng đến mục tiêu quan tâm tốt hơn đến đời sống, vật chất tinh thần NCC, đảm bảo chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” góp phần động viên, chăm lo đời sống các gia đình NCC.

- Chủ động, tổ chức kịp thời thực hiện việc tặng quà nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - liệt sỹ tới các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

### **2. Yêu cầu**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với NCC; nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình “Đền ơn, đáp nghĩa” góp phần chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với NCC.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 03/8/2018 của UBND Thành phố về thực hiện Quyết định số 773/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị

số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 02/3/2018 của UBND Thành phố khắc phục những tồn tại, hạn chế; nâng cao hiệu quả phối hợp, liên thông trong việc giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực người có công trên địa bàn Thành phố.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm thiết thực, hiệu quả, mang tính xã hội hóa cao, huy động toàn thể đảng viên, cán bộ và nhân dân Thủ đô hưởng ứng tham gia.

- Thực hiện tốt việc thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ chế độ chính sách, kịp thời theo quy định tài chính hiện hành; Huy động tối đa các nguồn lực xã hội với nhiều hình thức đa dạng, phong phú mang lại hiệu quả thiết thực nhằm chăm lo tốt hơn đối với đối tượng NCC với cách mạng.

- Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng chính sách, đúng đối tượng, công khai, dân chủ; Chủ động phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, trục lợi chính sách, chi trả tặng quà không đầy đủ theo quy định.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm**

#### **a) Một số chỉ tiêu cơ bản**

- Vận động Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” toàn Thành phố đạt 22.120 triệu đồng.

- Tặng 2.645 sổ tiết kiệm “Tình nghĩa” (phần đầu mỗi sổ tiết kiệm mức thấp nhất 01 triệu đồng).

- Tu sửa nâng cấp 65 công trình ghi công liệt sỹ.

- Hỗ trợ tu sửa nâng cấp nhà ở đối với 262 hộ gia đình NCC.

- Phân đầu 100% hộ gia đình NCC có mức sống ổn định bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú. Không để hộ gia đình NCC tái nghèo.

- Chăm sóc chu đáo đời sống vật chất và tinh thần đối với “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” còn sống đảm bảo có cuộc sống tốt nhất, cụ thể như: nhận phụng dưỡng, đỡ đầu, xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, nâng cấp tiện nghi sinh hoạt; đối với các Bà mẹ khi ốm đau hoặc qua đời các cấp chính quyền, đoàn thể phải hết sức quan tâm chu đáo. Tiếp tục vận động các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nhận phụng dưỡng các bà mẹ liệt sỹ mới được phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, với mức phụng dưỡng tối thiểu là 700.000 đồng/người/tháng.

*(Phụ lục 1 đính kèm)*

#### **b) Nội dung các hoạt động**

##### **b1) Công tác thông tin, tuyên truyền**

- Tổ chức tuyên truyền ý nghĩa Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7); các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của Thành phố đối với NCC; sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân đối với công tác Thương binh - Liệt sỹ gắn với các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm của Thành phố và cả nước.

- Tuyên truyền gương các thương bệnh binh, thân nhân liệt sỹ và người có công tiêu biểu vượt khó làm giàu, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước; các tập thể, cá nhân làm tốt công tác “Đền ơn, đáp nghĩa” trên địa bàn Thành phố.

#### b2) Thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng

- Tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với NCC quy định tại Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20/10/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13 và các chính sách ưu đãi khác.

- Tiếp tục rà soát, giải quyết hồ sơ tồn đọng đối với người có công với cách mạng theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Phối hợp thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ; Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin.

- Tổ chức tốt điều dưỡng luân phiên NCC; chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị cho con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách ưu đãi NCC từ Thành phố đến cơ sở; ngăn ngừa và xử lý nghiêm các vi phạm, tiêu cực trong việc thực hiện chính sách ưu đãi NCC.

#### b3) Thực hiện các phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”

- Tham gia các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ do Trung ương tổ chức.

- Tổ chức thăm, gặp mặt và tặng quà NCC; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trong và ngoài Thành phố, cơ sở sản xuất, kinh doanh của thương binh, bệnh binh tiêu biểu.

- Vận động các cấp, các ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân Thủ đô tham gia ủng hộ Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” của các cấp.

- Vận động các cơ quan, đơn vị, cá nhân đang nhận phụng dưỡng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” còn sống, duy trì và nâng mức phụng dưỡng từ 700.000 đồng/người/tháng trở lên.

- Rà soát các hộ gia đình NCC thuộc diện hộ cận nghèo, trên cơ sở phân tích hoàn cảnh cụ thể của từng hộ để có giải pháp thiết thực, hiệu quả hỗ trợ các hộ có

mức sống ổn định bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; phần đầu không để hộ gia đình NCC tái nghèo theo tiêu chí mới.

- Tu bổ, nâng cấp, chỉnh trang các công trình ghi công liệt sỹ: bia, đài, nhà tưởng niệm và nghĩa trang liệt sỹ.

- Tổ chức thăm viếng các nghĩa trang liệt sỹ Thành phố và ngoại tỉnh; Tổ chức thấp nền tri ân tại các nghĩa trang liệt sỹ trong thành phố Hà Nội nhân dịp ngày 27/7.

Ngoài các nội dung trên, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức các chương trình hoạt động tại địa phương, đơn vị mình đảm bảo tiết kiệm, ý nghĩa thiết thực, hướng đến mục tiêu chăm lo tốt hơn đến đời sống vật chất, tinh thần đối với NCC.

## **2. Công tác thăm, tặng quà Thành phố**

a) Đối tượng và mức tặng quà

a1) Mức quà cá nhân:

- Mức quà (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên; Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi); Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)

a2) Mức quà tặng các đơn vị, cá nhân tiêu biểu:

- Ủy quyền cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các quận, huyện, thị xã thăm tặng quà 45 đơn vị, mỗi suất quà trị giá từ 6.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, trong đó:

+ Mức quà 11.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 10.000.000 đồng): Làng Hữu nghị Việt Nam; các trung tâm nuôi dưỡng người có công các tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng (07 đơn vị); Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố; Ban phục vụ lễ tang Hà Nội; Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; các đơn vị nuôi dưỡng điều dưỡng người có công; các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của thương bệnh binh trên địa bàn Thành phố.

+ Mức quà 6.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 5.000.000 đồng): Ban quản lý các nghĩa trang của Thành phố (Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhân, Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi, Ban Quản lý nghĩa trang Mai Dịch).

- Tặng 72 suất quà cá nhân tiêu biểu, mỗi suất 2.500.000 đồng (tiền mặt 2.000.000 đồng, túi quà 500.000 đồng), trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà: 12 cá nhân tiêu biểu là gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (Mỗi đoàn đi thăm tặng quà 02 NCC tiêu biểu lựa chọn ở 6 quận, huyện, thị xã).

+ Ủy quyền lãnh đạo UBND các quận, huyện, thị xã thăm, tặng quà tới 60 gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình).

*(Phụ lục 2 đính kèm)*

a3) Ngoài quà tặng của Thành phố, các địa phương tùy vào điều kiện và khả năng thực tế có thể có các cơ chế chính sách hỗ trợ các gia đình NCC khó khăn trên địa bàn quản lý.

b) Kinh phí và nguồn kinh phí

Tổng số đối tượng tặng quà: 125.819 suất, với tổng kinh phí là 103.045.000.000 đồng (*Một trăm linh ba tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*).

b1) Nguồn kinh phí: Trích từ nguồn kinh phí ngân sách Thành phố năm 2019 tại Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội và UBND các quận, huyện, thị xã.

b2) Trường hợp phát sinh tăng đối tượng NCC, ngân sách quận, huyện, thị xã bố trí kinh phí thực hiện theo quy định. Trường hợp kinh phí còn dư, các đơn vị có trách nhiệm nộp trả lại nguồn ngân sách Thành phố.

b3) Các đơn vị có trách nhiệm rút dự toán và sử dụng kinh phí theo đúng quy định, chi trả đúng đối tượng, đúng chế độ và quyết toán với Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

b4) Ngoài kinh phí từ nguồn ngân sách nêu trên, giao UBND các quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ vào các nguồn quyên tặng, nguồn được phép huy động khác phù hợp với khả năng của cơ quan, đơn vị để quyết định các mức tặng quà đối với các đối tượng nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (mức tặng quà không lớn hơn các mức tặng quà Thành phố).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố về tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2019) gắn với việc thực hiện các hoạt động kỷ niệm của Thành phố và cả nước.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các Sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các quận, huyện, thị xã phát động ủng hộ Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa”; vận động các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

- Tham mưu, đề xuất Đoàn Lãnh đạo Thành phố thăm, tặng quà 12 cá nhân người có công tiêu biểu; tổ chức thăm hỏi, tặng quà tới các tổ chức và cá nhân tiêu biểu theo nhiệm vụ được phân công.

- Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã công tác thăm hỏi, tặng quà đối với NCC đảm bảo thực hiện đúng quy định.

- Phối hợp thực hiện các hoạt động kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ do Trung ương tổ chức; phục vụ Đoàn do các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước thăm các đơn vị hoặc cá nhân người có công tiêu biểu của Thành phố.

- Chủ động tổ chức Đoàn đại biểu thành phố Hà Nội đi dâng hương tại các Nghĩa trang liệt sỹ Thành phố và một số nghĩa trang liệt sỹ quốc gia có nhiều phần mộ liệt sỹ Hà Nội tại Quảng Trị, Hà Giang, Tây Ninh, Điện Biên,....

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với người có công quy định tại Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng và các chính sách ưu đãi khác; tổ chức tốt việc điều dưỡng luân phiên NCC, nuôi dưỡng và chăm sóc người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam; tiếp tục rà soát, giải quyết hồ sơ tồn đọng đối với người có công với cách mạng theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thực hiện chính sách ưu đãi NCC; phối hợp thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm những vi phạm, vi phạm trong việc thực hiện chính sách NCC, việc thăm hỏi, tặng quà từ cơ sở.

- Tổng hợp kết quả tặng quà, tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

## **2. Bộ Tư lệnh Thủ đô**

- Tiếp tục thực hiện xác nhận liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTĐ-BQP ngày 22/10/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc phòng.

- Tiếp tục giải quyết tốt các chính sách đối với quân nhân phục viên, xuất ngũ, dân công hỏa tuyến.

- Phối hợp thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; rà phá bom mìn sau chiến tranh.

- Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã trong việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ; tổ chức thăm, tặng quà và gặp mặt thương binh, gia đình liệt sỹ và NCC tiêu biểu thuộc quyền quản lý.

## **3. Sở Nội vụ**

- Tiếp tục thẩm định hồ sơ và tham mưu UBND Thành phố trình Chủ tịch nước xét phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh

hùng” cho các bà mẹ liệt sỹ quy định tại Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13; trình Chính phủ xét tặng Kỷ niệm chương người hoạt cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày quy định tại Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13.

- Tiếp nhận hồ sơ Cựu Thanh niên xung phong bị thương hoặc hy sinh trong chiến tranh do UBND các quận, huyện, thị xã chuyển đến trình Chủ tịch UBND Thành phố xem xét quyết định theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐT BXH-BQP ngày 22/10/2013.

- Thực hiện việc rà soát hồ sơ Cựu Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến có hoàn cảnh khó khăn để giải quyết hưởng trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hàng tháng.

#### **4. Sở Y tế**

- Chỉ đạo tổ chức việc giám định thương tật cho thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương tái phát, vết thương còn sót; giám định bệnh tật, dị dạng, dị tật đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nghi nhiễm chất độc hóa học.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe các đối tượng NCC.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, sớm đề xuất áp dụng phương pháp giải độc, điều trị cho đối tượng theo Đề án đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Trung tâm Chăm sóc, Nuôi dưỡng và Điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin.

#### **5. Sở Xây dựng**

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ hộ gia đình NCC xây mới hoặc tu sửa lại nhà ở; chỉ đạo kiểm tra chất lượng công trình nhà ở, công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn Thành phố.

#### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện Quyết định số 651/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 26/12/2012 của UBND Thành phố về hành động quốc gia khắc phục cơ bản hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 thành phố Hà Nội.

#### **7. Sở Văn hoá và Thể thao**

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, biểu diễn nghệ thuật nhân dịp kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ gắn với các hoạt động kỷ niệm của Thành phố và cả nước.

- Treo băng rôn, khẩu hiệu, tạo cảnh quan đô thị, nội dung kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ.

#### **8. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ.

- Chỉ đạo các trường học thực hiện tốt việc chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn Thành phố.

## **9. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân các chính sách, pháp luật về người có công, gương điển hình người tốt việc tốt trong việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người có công vượt khó vươn lên làm kinh tế giỏi và các hoạt động truyền thông chuyên đề gắn nội dung Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

- Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các hoạt động thăm tặng quà người có công; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

## **10. Sở Tài chính**

Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện việc tặng quà nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ theo quy định.

## **11. Công an Thành phố**

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ; tổ chức thăm, tặng quà và gặp mặt thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ và NCC tiêu biểu thuộc quyền quản lý.

## **12. UBND các quận, huyện, thị xã**

- Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch thăm, tặng quà và tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ trên địa bàn, bảo đảm hiệu quả, thiết thực, ý nghĩa gắn với các hoạt động chào mừng kỷ niệm của Thành phố và cả nước.

- Tiếp tục thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với người có công quy định; triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 03/8/2018 của UBND Thành phố về thực hiện Quyết định số 773/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp xây dựng kế hoạch vận động ủng hộ xây dựng Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa”; vận động các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” dúi trì và nâng mức phụng dưỡng từ 700.000 đồng/người/tháng trở lên.

- Tập trung tu bổ, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ đã xuống cấp đảm bảo khang trang, sạch đẹp; thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ và tổ chức tốt chương trình thắp nến tri ân liệt sĩ tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể chăm lo đời sống người có công, phấn đấu các hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn lập danh sách trên cơ sở phân tích cụ thể hoàn cảnh, nguyên nhân của từng hộ để có giải pháp thiết



thực, hiệu quả hỗ trợ các hộ gia đình NCC thuộc hộ cận nghèo nhằm nâng cao mức sống; không để hộ gia đình NCC tái nghèo theo tiêu chí mới.

- Phổ biến tuyên truyền chính sách tặng quà của Thành phố tới xã, phường, thị trấn và nhân dân địa phương; Niêm yết công khai tại trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn đối tượng, tiêu chuẩn và mức quà tặng.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, giám sát các xã, phường, thị trấn tổ chức thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng quy định; tổ chức thực hiện tặng quà từ ngày 01/7/2019 đến trước ngày 15/7/2019.

- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà đến 02 gia đình chính sách người có công tiêu biểu (*gia đình người có công tiêu biểu được lựa chọn tặng quà không trùng với đối tượng tiêu biểu đã được Thành phố thăm, tặng quà hai năm gần đây*) và một số đơn vị sản xuất, kinh doanh tiêu biểu của thương bệnh binh trên địa bàn quận, huyện, thị xã theo ủy quyền của UBND Thành phố.

- Huy động các nguồn lực, sự trợ giúp của các tổ chức, đơn vị, cá nhân và cộng đồng thăm hỏi, tặng quà, động viên các đối tượng chính sách khó khăn (như tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ xây, sửa nhà ở, tặng xe lăn, trao học bổng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho con NCC...).

- Thanh kiểm tra và kịp thời xử lý những vướng mắc, vi phạm trong việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với NCC; tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thực hiện chính sách ưu đãi NCC.

- Tổng hợp kết quả tặng quà, tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội trước ngày 20/7/2019.

### **13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố**

- Có kế hoạch tuyên truyền, phát động các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và nhân dân Thủ đô hưởng ứng phong trào ủng hộ Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” ở các cấp để tạo nguồn lực chăm sóc giúp đỡ NCC thuộc diện khó khăn về đời sống và nhà ở.

- Phối hợp với UBND Thành phố tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ; hướng dẫn các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc trên địa bàn hưởng ứng và tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ gắn với các hoạt động kỷ niệm khác của Thành phố và cả nước.

- Chỉ đạo thực hiện giám sát, tiếp nhận các ý kiến phản ánh của quần chúng nhân dân, phát hiện những trường hợp lợi dụng chính sách để các cơ quan chức năng có trách nhiệm giải quyết bảo đảm các chế độ quà tặng được đến tay đối tượng đầy đủ, kịp thời.

### **14. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy**

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng của Thành phố với nhiều hình thức phong phú phản ánh về gương thương bệnh binh, thân nhân liệt sỹ và NCC tiêu biểu vượt khó làm giàu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; các tập thể, cá nhân làm tốt công tác “Đền ơn, đáp nghĩa”.

- Tổ chức họp báo thông tin các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ của thành phố Hà Nội đến các phóng viên báo, đài của Hà Nội và Trung ương.

## 15. Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ.
- Chủ động có các hoạt động biểu dương hội viên có thành tích trong việc thực hiện chính sách thương binh liệt sỹ, NCC; thăm và tặng quà, gặp mặt hội viên là thương binh, thân nhân liệt sỹ và NCC tiêu biểu.

## 16. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ.
- Tổ chức cho đoàn viên, thanh niên thực hiện tốt các chương trình học tập và noi gương các anh hùng liệt sỹ; biểu dương những tấm gương thanh niên là con thương binh, con liệt sỹ tiêu biểu trong các lĩnh vực học tập, công tác và sản xuất.
- Tổ chức cho đoàn viên, thanh niên thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ.
- Hướng dẫn các cơ sở Đoàn tổ chức thấp nền tri ân tại các nghĩa trang liệt sỹ trong toàn Thành phố.

## 17. Các cơ quan báo chí Thành phố

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tuyên truyền đưa tin bài, hình ảnh về công tác thương binh, liệt sỹ và người có công gắn với công tác tặng quà cùng các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ của Thành phố và cả nước.

Phát huy truyền thống “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc; thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đối với NCC, UBND Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, Ban Tuyên giáo Thành ủy, các đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố có kế hoạch chỉ đạo, phối hợp tổ chức hiệu quả các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ gắn với các hoạt động kỷ niệm của Thành phố, cả nước có ý nghĩa thiết thực; Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội trước ngày 20/7/2019 để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

### Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Bộ LĐTB&XH;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang,  
Phòng KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KGVXt.

đề b.cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH



Ngô Văn Quý

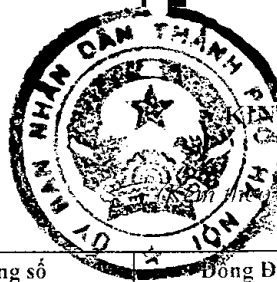
5660 (1/10)



**HOẠCH ĐỊNH THỰC HIỆN PHONG TRÀO “ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA” NĂM 2019**

Kế hoạch số 59 /KH-UBND ngày 07/ 3 /2019 của UBND thành phố Hà Nội)

| TT | Quận, huyện, thị xã | Vận động ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” (tr.đồng) | Hỗ trợ tu sửa nâng cấp nhà ở (nhà) |           |            | Tặng số tiết kiệm “Tình nghĩa” (số) | Tu sửa nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ | Hỗ trợ nâng mức sống hộ gia đình NCC (Thoát hộ cận nghèo) |
|----|---------------------|--|------------------------------------|-----------|------------|-------------------------------------|---|---|
|    |                     |  | Tổng số                            | Trong đó  |            |                                     |   |   |
|    |                     |  |                                    | Xây mới   | Sửa chữa   |                                     |   |   |
| 1  | Ba Đình             | 1.300  | 10                                 |           | 10         | 200                                 |   |   |
| 2  | Cầu Giấy            | 770  | 3                                  |           | 3          | 95                                  | 7   |   |
| 3  | Đống Đa             | 1.000  | 5                                  |           | 5          | 300                                 | 5   |   |
| 4  | Hoàn Kiếm           | 1.300  | 18                                 |           | 18         | 300                                 | 16  |   |
| 5  | Hai Bà Trưng        | 1.000  | 20                                 | 5         | 15         | 500                                 |   |   |
| 6  | Thanh Xuân          | 500  | 12                                 |           | 12         | 75                                  | 1   |   |
| 7  | Tây Hồ              | 500  | 4                                  | 1         | 3          | 22                                  |   |   |
| 8  | Long Biên           | 800  | 5                                  | 2         | 3          | 50                                  | 3   | 2   |
| 9  | Hoàng Mai           | 900  | 2                                  |           | 2          | 30                                  |   | 1   |
| 10 | Đông Anh            | 500  | 30                                 | 15        | 15         | 50                                  | 2   |   |
| 11 | Gia Lâm             | 1.500  | 15                                 | 10        | 5          | 44                                  |   |   |
| 12 | Thanh Trì           | 500  | 7                                  | 3         | 4          | 360                                 | 1   |   |
| 13 | Sóc Sơn             | 1.000  | 2                                  | 2         |            | 20                                  |   |   |
| 14 | Bắc Từ Liêm         | 600  | 15                                 | 5         | 10         | 26                                  | 8   |   |
| 15 | Nam Từ Liêm         | 400  | 5                                  | 2         | 3          | 20                                  | 2   |   |
| 16 | Hà Đông             | 1.000  | 10                                 | 5         | 5          | 17                                  |   |   |
| 17 | Sơn Tây             | 500  | 10                                 |           | 10         | 10                                  |   |   |
| 18 | Ba Vì               | 500  | 10                                 | 10        |            | 10                                  | 1   |   |
| 19 | Phúc Thọ            | 500  | 5                                  | 3         | 2          | 46                                  | 2   |   |
| 20 | Thạch Thất          | 600  | 5                                  | 3         | 2          | 72                                  |   |   |
| 21 | Đan Phượng          | 600  | 10                                 | 7         | 3          | 32                                  |   |   |
| 22 | Hoài Đức            | 500  | 6                                  | 3         | 3          | 5                                   |   |   |
| 23 | Quốc Oai            | 500  | 10                                 | 3         | 7          | 15                                  | 2   |   |
| 24 | Chương Mỹ           | 800  | 3                                  |           | 3          | 96                                  |   |   |
| 25 | Thanh Oai           | 650  | 5                                  | 1         | 4          | 105                                 | 5   |   |
| 26 | Thường Tín          | 500  | 10                                 | 5         | 5          | 10                                  | 1   |   |
| 27 | Ứng Hòa             | 750  | 10                                 | 7         | 3          | 30                                  | 1   | 4   |
| 28 | Mỹ Đức              | 400  | 3                                  | 1         | 2          | 5                                   | 1   |   |
| 29 | Phù Xuyên           | 750  | 8                                  | 3         | 5          | 30                                  | 2   |   |
| 30 | Mê Linh             | 500  | 4                                  | 2         | 2          | 70                                  | 5   |   |
| 31 | Thành phố           | 500  |                                    |           |            |                                     |   |   |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>    | <b>22.120</b>                                    | <b>262</b>                         | <b>98</b> | <b>164</b> | <b>2.645</b>                        | <b>65</b>                                       | <b>7</b>  |



**KINH PHÍ TẶNG QUÀ ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH  
NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ 27/7/2019**

Kế hoạch số **59** /KH-UBND ngày **07** tháng **3** năm 2019  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

| STT        | Loại đối tượng   | Tổng số        |                    | Đông Đa      |                  | Ba Đình      |                  | Hai Bà Trưng |                  | Hoàn Kiếm    |                  | Bắc Từ Liêm  |                  |
|------------|--|----------------|--------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|
|            |  | Người          | Tiền<br>(1.000đ)   | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) |
|            | <b>Tổng cộng</b>   | <b>125.819</b> | <b>103.045.000</b> | <b>5.139</b> | <b>4.397.000</b> | <b>3.558</b> | <b>3.068.500</b> | <b>4.285</b> | <b>3.573.000</b> | <b>2.909</b> | <b>2.410.000</b> | <b>2.488</b> | <b>2.038.500</b> |
| <b>I</b>   | <b>Kinh phí tặng quà tới các đối tượng người có công</b>   | <b>125.702</b> | <b>102.385.000</b> | <b>5.134</b> | <b>4.359.000</b> | <b>3.552</b> | <b>3.019.500</b> | <b>4.282</b> | <b>3.557.000</b> | <b>2.905</b> | <b>2.383.000</b> | <b>2.486</b> | <b>2.033.500</b> |
| <b>1</b>   | <b>Mức 1.000.000 đồng</b>  | <b>79.068</b>  | <b>79.068.000</b>  | <b>3.584</b> | <b>3.584.000</b> | <b>2.487</b> | <b>2.487.000</b> | <b>2.832</b> | <b>2.832.000</b> | <b>1.861</b> | <b>1.861.000</b> | <b>1.581</b> | <b>1.581.000</b> |
|            | - Bà mẹ Việt Nam anh hùng  | <b>209</b>     | <b>209.000</b>     | <b>4</b>     | <b>4.000</b>     | <b>5</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>2.000</b>     | <b>6</b>     | <b>6.000</b>     | <b>4</b>     | <b>4.000</b>     |
|            | - Thương binh, thương binh B, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên | <b>41.740</b>  | <b>41.740.000</b>  | <b>2.100</b> | <b>2.100.000</b> | <b>1.432</b> | <b>1.432.000</b> | <b>1.520</b> | <b>1.520.000</b> | <b>1.078</b> | <b>1.078.000</b> | <b>862</b>   | <b>862.000</b>   |
|            | - Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ)  | <b>25.835</b>  | <b>25.835.000</b>  | <b>1.130</b> | <b>1.130.000</b> | <b>765</b>   | <b>765.000</b>   | <b>990</b>   | <b>990.000</b>   | <b>574</b>   | <b>574.000</b>   | <b>495</b>   | <b>495.000</b>   |
|            | - Người trực tiếp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học   | <b>11.208</b>  | <b>11.208.000</b>  | <b>350</b>   | <b>350.000</b>   | <b>285</b>   | <b>285.000</b>   | <b>320</b>   | <b>320.000</b>   | <b>203</b>   | <b>203.000</b>   | <b>220</b>   | <b>220.000</b>   |
|            | - Thương binh có tỷ lệ thương tật hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên tại 7 trung tâm nuôi dưỡng điều dưỡng người có công các tỉnh liền kề                  | <b>76</b>      | <b>76.000</b>      |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>2</b>   | <b>Mức 500.000 đồng</b>  | <b>46.634</b>  | <b>23.317.000</b>  | <b>1.550</b> | <b>775.000</b>   | <b>1.065</b> | <b>532.500</b>   | <b>1.450</b> | <b>725.000</b>   | <b>1.044</b> | <b>522.000</b>   | <b>905</b>   | <b>452.500</b>   |
|            | - Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/1 suất quà)  | <b>46.634</b>  | <b>23.317.000</b>  | <b>1.550</b> | <b>775.000</b>   | <b>1.065</b> | <b>532.500</b>   | <b>1.450</b> | <b>725.000</b>   | <b>1.044</b> | <b>522.000</b>   | <b>905</b>   | <b>452.500</b>   |
| <b>II</b>  | <b>Thăm và tặng quà các tổ chức (Chi tiết theo Phụ lục 2.1)</b>  | <b>45</b>      | <b>480.000</b>     | <b>3</b>     | <b>33.000</b>    | <b>4</b>     | <b>44.000</b>    | <b>1</b>     | <b>11.000</b>    | <b>2</b>     | <b>22.000</b>    | <b>0</b>     | <b>0</b>         |
| <b>1</b>   | Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề: các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công của Thành phố   | <b>14</b>      | <b>154.000</b>     |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>2</b>   | Các đơn vị sản xuất kinh doanh của Thương bệnh binh do Thành phố, Quận, Huyện quyết định thành lập   | <b>28</b>      | <b>308.000</b>     | <b>3</b>     | <b>33.000</b>    | <b>4</b>     | <b>44.000</b>    | <b>1</b>     | <b>11.000</b>    | <b>2</b>     | <b>22.000</b>    |              |                  |
|            | Thành phố thành lập  | <b>5</b>       | <b>55.000</b>      |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
|            | Quận, huyện, thị xã thành lập  | <b>23</b>      | <b>253.000</b>     | <b>3</b>     | <b>33.000</b>    | <b>4</b>     | <b>44.000</b>    | <b>1</b>     | <b>11.000</b>    | <b>2</b>     | <b>22.000</b>    |              |                  |
| <b>3</b>   | Thăm Ban quản lý các nghĩa trang liệt sỹ Thành phố   | <b>3</b>       | <b>18.000</b>      |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>III</b> | <b>Tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  | <b>60</b>      | <b>150.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     |
| <b>IV</b>  | <b>Tổ chức 06 đoàn lãnh đạo của Thành phố đi thăm, tặng quà tập thể, cá nhân tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  | <b>12</b>      | <b>30.000</b>      |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |

| STT        | Loại đối tượng   | Nam Từ Liêm |                  | Thanh Trì |                  | Gia Lâm |                  | Đông Anh |                  | Sóc Sơn |                  | Tây Hồ |                  |
|------------|--|-------------|------------------|-----------|------------------|---------|------------------|----------|------------------|---------|------------------|--------|------------------|
|            |  | Người       | Tiền<br>(1.000đ) | Người     | Tiền<br>(1.000đ) | Người   | Tiền<br>(1.000đ) | Người    | Tiền<br>(1.000đ) | Người   | Tiền<br>(1.000đ) | Người  | Tiền<br>(1.000đ) |
|            | <b>Tổng cộng</b>   | 1.724       | 1.430.500        | 2.698     | 2.171.000        | 4.748   | 3.786.000        | 6.415    | 5.103.000        | 5.388   | 4.466.000        | 1.921  | 1.544.000        |
| <b>I</b>   | <b>Kinh phí tặng quà tới các đối tượng người có công</b>   | 1.722       | 1.425.500        | 2.693     | 2.133.000        | 4.745   | 3.770.000        | 6.412    | 5.087.000        | 5.386   | 4.461.000        | 1.918  | 1.528.000        |
| <b>1</b>   | <b>Mức 1.000.000 đồng</b>  | 1.129       | 1.129.000        | 1.573     | 1.573.000        | 2.795   | 2.795.000        | 3.762    | 3.762.000        | 3.536   | 3.536.000        | 1.138  | 1.138.000        |
|            | - Bà mẹ Việt Nam anh hùng  |             |                  | 3         | 3.000            | 6       | 6.000            | 22       | 22.000           | 6       | 6.000            | 4      | 4.000            |
|            | - Thương binh, thương binh B, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên | 686         | 686.000          | 900       | 900.000          | 1.390   | 1.390.000        | 1.860    | 1.860.000        | 1.760   | 1.760.000        | 720    | 720.000          |
|            | - Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ)  | 335         | 335.000          | 550       | 550.000          | 1.160   | 1.160.000        | 1.520    | 1.520.000        | 1.270   | 1.270.000        | 357    | 357.000          |
|            | - Người trực tiếp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học   | 108         | 108.000          | 120       | 120.000          | 239     | 239.000          | 360      | 360.000          | 500     | 500.000          | 57     | 57.000           |
|            | - Thương binh có tỷ lệ thương tật hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên tại 7 trung tâm nuôi dưỡng điều dưỡng người có công các tỉnh liền kề                  |             |                  |           |                  |         |                  |          |                  |         |                  |        |                  |
| <b>2</b>   | <b>Mức 500.000 đồng</b>  | 593         | 296.500          | 1.120     | 560.000          | 1.950   | 975.000          | 2.650    | 1.325.000        | 1.850   | 925.000          | 780    | 390.000          |
|            | - Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/1 suất quà)  | 593         | 296.500          | 1.120     | 560.000          | 1.950   | 975.000          | 2.650    | 1.325.000        | 1.850   | 925.000          | 780    | 390.000          |
| <b>II</b>  | <b>Thăm và tặng quà các tổ chức (Chi tiết theo Phụ lục 2.1)</b>  | 0           | 0                | 3         | 33.000           | 1       | 11.000           | 1        | 11.000           | 0       | 0                | 1      | 11.000           |
| <b>1</b>   | Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề; các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công của Thành phố   |             |                  |           |                  |         |                  |          |                  |         |                  |        |                  |
| <b>2</b>   | Các đơn vị sản xuất kinh doanh của Thương bệnh binh do Thành phố, Quận, Huyện quyết định thành lập   |             |                  | 3         | 33.000           | 1       | 11.000           | 1        | 11.000           |         |                  | 1      | 11.000           |
|            | <i>Thành phố thành lập</i>   |             |                  |           |                  |         |                  |          |                  |         |                  |        |                  |
|            | <i>Quận, huyện, thị xã thành lập</i>   |             |                  | 3         | 33.000           | 1       | 11.000           | 1        | 11.000           |         |                  | 1      | 11.000           |
| <b>3</b>   | Thăm Ban quản lý các nghĩa trang liệt sỹ Thành phố   |             |                  |           |                  |         |                  |          |                  |         |                  |        |                  |
| <b>III</b> | <b>Tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  | 2           | 5.000            | 2         | 5.000            | 2       | 5.000            | 2        | 5.000            | 2       | 5.000            | 2      | 5.000            |
| <b>IV</b>  | <b>Tổ chức 06 đoàn lãnh đạo của Thành phố đi thăm, tặng quà tập thể, cá nhân tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  |             |                  |           |                  |         |                  |          |                  |         |                  |        |                  |

| STT        | Loại đối tượng   | Thanh Xuân   |                  | Cầu Giấy     |                  | Hoàng Mai    |                  | Long Biên    |                  | Sơn Tây      |                  | Ba Vì        |                  |
|------------|--|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|
|            |  | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) |
|            | <b>Tổng cộng</b>   | <b>2.599</b> | <b>2.384.000</b> | <b>2.654</b> | <b>2.332.000</b> | <b>4.037</b> | <b>3.369.000</b> | <b>3.502</b> | <b>2.960.000</b> | <b>3.001</b> | <b>2.479.000</b> | <b>7.162</b> | <b>5.740.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Kinh phí tặng quà tới các đối tượng người có công</b>   | <b>2.597</b> | <b>2.379.000</b> | <b>2.652</b> | <b>2.327.000</b> | <b>4.032</b> | <b>3.331.000</b> | <b>3.498</b> | <b>2.933.000</b> | <b>2.999</b> | <b>2.474.000</b> | <b>7.160</b> | <b>5.735.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Mức 1.000.000 đồng</b>  | <b>2.161</b> | <b>2.161.000</b> | <b>2.002</b> | <b>2.002.000</b> | <b>2.630</b> | <b>2.630.000</b> | <b>2.368</b> | <b>2.368.000</b> | <b>1.949</b> | <b>1.949.000</b> | <b>4.310</b> | <b>4.310.000</b> |
|            | - Bà mẹ Việt Nam anh hùng  | 6            | 6.000            | 4            | 4.000            | 6            | 6.000            | 8            | 8.000            | 7            | 7.000            | 20           | 20.000           |
|            | - Thương binh, thương binh B, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên | 1.340        | 1.340.000        | 1.238        | 1.238.000        | 1.533        | 1.533.000        | 1.250        | 1.250.000        | 1.015        | 1.015.000        | 2.300        | 2.300.000        |
|            | - Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ)  | 560          | 560.000          | 478          | 478.000          | 850          | 850.000          | 830          | 830.000          | 560          | 560.000          | 1.600        | 1.600.000        |
|            | - Người trực tiếp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học   | 255          | 255.000          | 282          | 282.000          | 241          | 241.000          | 280          | 280.000          | 367          | 367.000          | 390          | 390.000          |
|            | - Thương binh có tỷ lệ thương tật hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên tại 7 trung tâm nuôi dưỡng điều dưỡng người có công các tỉnh liên kề                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>2</b>   | <b>Mức 500.000 đồng</b>  | <b>436</b>   | <b>218.000</b>   | <b>650</b>   | <b>325.000</b>   | <b>1.402</b> | <b>701.000</b>   | <b>1.130</b> | <b>565.000</b>   | <b>1.050</b> | <b>525.000</b>   | <b>2.850</b> | <b>1.425.000</b> |
|            | - Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/1 suất quà)  | 436          | 218.000          | 650          | 325.000          | 1.402        | 701.000          | 1.130        | 565.000          | 1.050        | 525.000          | 2.850        | 1.425.000        |
| <b>II</b>  | <b>Thăm và tặng quà các tổ chức (Chi tiết theo Phụ lục 2.1)</b>  | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>3</b>     | <b>33.000</b>    | <b>2</b>     | <b>22.000</b>    | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         |
| <b>1</b>   | Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liên kề, các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công của Thành phố   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>2</b>   | Các đơn vị sản xuất kinh doanh của Thương bệnh binh do Thành phố, Quận, Huyện quyết định thành lập   |              |                  |              |                  | 3            | 33.000           | 2            | 22.000           |              |                  |              |                  |
|            | <i>Thành phố thành lập</i>   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
|            | <i>Quận, huyện, thị xã thành lập</i>   |              |                  |              |                  | 3            | 33.000           | 2            | 22.000           |              |                  |              |                  |
| <b>3</b>   | Thăm Ban quản lý các nghĩa trang liệt sỹ Thành phố   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>III</b> | <b>Tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     |
| <b>IV</b>  | <b>Tổ chức 06 đoàn lãnh đạo của Thành phố đi thăm, tặng quà tập thể, cá nhân tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |

| STT        | Loại đối tượng   | Ứng Hòa      |                  | Quốc Oai     |                  | Thanh Oai    |                  | Mỹ Đức       |                  | Thường Tín   |                  | Đan Phượng   |                  | Hoài Đức     |                  |
|------------|--|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|
|            |  | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) |
|            | <b>Tổng cộng</b>   | <b>5.309</b> | <b>4.074.500</b> | <b>4.724</b> | <b>3.857.000</b> | <b>4.269</b> | <b>3.361.000</b> | <b>4.147</b> | <b>3.270.000</b> | <b>5.116</b> | <b>4.069.000</b> | <b>3.705</b> | <b>2.880.500</b> | <b>4.325</b> | <b>3.332.500</b> |
| <b>I</b>   | <b>Kinh phí tặng quà tới các đối tượng người có công</b>   | <b>5.307</b> | <b>4.069.500</b> | <b>4.722</b> | <b>3.852.000</b> | <b>4.267</b> | <b>3.356.000</b> | <b>4.145</b> | <b>3.265.000</b> | <b>5.114</b> | <b>4.064.000</b> | <b>3.703</b> | <b>2.875.500</b> | <b>4.323</b> | <b>3.327.500</b> |
| <b>1</b>   | <b>Mức 1.000.000 đồng</b>  | <b>2.832</b> | <b>2.832.000</b> | <b>2.982</b> | <b>2.982.000</b> | <b>2.445</b> | <b>2.445.000</b> | <b>2.385</b> | <b>2.385.000</b> | <b>3.014</b> | <b>3.014.000</b> | <b>2.048</b> | <b>2.048.000</b> | <b>2.332</b> | <b>2.332.000</b> |
|            | - Bà mẹ Việt Nam anh hùng  | 7            | 7.000            | 12           | 12.000           | 1            | 1.000            | 5            | 5.000            | 8            | 8.000            | 7            | 7.000            | 11           | 11.000           |
|            | - Thương binh, thương binh B, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên | 1.531        | 1.531.000        | 1.270        | 1.270.000        | 1.211        | 1.211.000        | 1.375        | 1.375.000        | 1.592        | 1.592.000        | 1.068        | 1.068.000        | 1.153        | 1.153.000        |
|            | - Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ)  | 868          | 868.000          | 845          | 845.000          | 745          | 745.000          | 780          | 780.000          | 863          | 863.000          | 738          | 738.000          | 935          | 935.000          |
|            | - Người trực tiếp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học   | 426          | 426.000          | 855          | 855.000          | 488          | 488.000          | 225          | 225.000          | 551          | 551.000          | 235          | 235.000          | 233          | 233.000          |
|            | - Thương binh có tỷ lệ thương tật hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên tại 7 trung tâm nuôi dưỡng điều dưỡng người có công các tỉnh liền kề                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>2</b>   | <b>Mức 500.000 đồng</b>  | <b>2.475</b> | <b>1.237.500</b> | <b>1.740</b> | <b>870.000</b>   | <b>1.822</b> | <b>911.000</b>   | <b>1.760</b> | <b>880.000</b>   | <b>2.100</b> | <b>1.050.000</b> | <b>1.655</b> | <b>827.500</b>   | <b>1.991</b> | <b>995.500</b>   |
|            | - Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/1 suất quà)  | 2.475        | 1.237.500        | 1.740        | 870.000          | 1.822        | 911.000          | 1.760        | 880.000          | 2.100        | 1.050.000        | 1.655        | 827.500          | 1.991        | 995.500          |
| <b>II</b>  | <b>Thăm và tặng quà các tổ chức (Chi tiết theo Phụ lục 2.1)</b>  | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         |
| <b>1</b>   | Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề; các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công của Thành phố   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>2</b>   | Các đơn vị sản xuất kinh doanh của Thương bệnh binh do Thành phố, Quận, Huyện quyết định thành lập   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
|            | <i>Thành phố thành lập</i>   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
|            | <i>Quận, huyện, thị xã thành lập</i>   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>3</b>   | Thăm Ban quản lý các nghĩa trang liệt sỹ Thành phố   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |
| <b>III</b> | <b>Tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     |
| <b>IV</b>  | <b>Tổ chức 06 đoàn lãnh đạo của Thành phố đi thăm, tặng quà tập thể, cá nhân tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |

| STT        | Loại đối tượng   | Hà Đông      |                  | Chương Mỹ    |                  | Phú Xuyên    |                  | Phúc Thọ     |                  | Thạch Thất   |                  | Mê Linh      |                  | Sở LĐTBXH  |                  |
|------------|--|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|------------|------------------|
|            |  | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người        | Tiền<br>(1.000đ) | Người      | Tiền<br>(1.000đ) |
|            | <b>Tổng cộng</b>   | <b>4.836</b> | <b>4.134.000</b> | <b>5.444</b> | <b>4.355.500</b> | <b>5.643</b> | <b>4.436.000</b> | <b>4.494</b> | <b>3.707.000</b> | <b>4.909</b> | <b>4.215.000</b> | <b>4.495</b> | <b>3.708.000</b> | <b>175</b> | <b>393.500</b>   |
| <b>I</b>   | <b>Kinh phí-tặng quà tới các đối tượng người có công</b>   | <b>4.832</b> | <b>4.107.000</b> | <b>5.442</b> | <b>4.350.500</b> | <b>5.641</b> | <b>4.431.000</b> | <b>4.492</b> | <b>3.702.000</b> | <b>4.907</b> | <b>4.210.000</b> | <b>4.493</b> | <b>3.703.000</b> | <b>141</b> | <b>136.500</b>   |
| <b>1</b>   | <b>Mức 1.000.000 đồng</b>  | <b>3.382</b> | <b>3.382.000</b> | <b>3.259</b> | <b>3.259.000</b> | <b>3.221</b> | <b>3.221.000</b> | <b>2.912</b> | <b>2.912.000</b> | <b>3.513</b> | <b>3.513.000</b> | <b>2.913</b> | <b>2.913.000</b> | <b>132</b> | <b>132.000</b>   |
|            | - Bà mẹ Việt Nam anh hùng  | 2            | 2.000            | 4            | 4.000            | 6            | 6.000            | 11           | 11.000           | 9            | 9.000            | 12           | 12.000           | 1          | 1.000            |
|            | - Thương binh, thương binh B, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên | 1.780        | 1.780.000        | 1.650        | 1.650.000        | 1.680        | 1.680.000        | 1.490        | 1.490.000        | 1.460        | 1.460.000        | 1.490        | 1.490.000        | 6          | 6.000            |
|            | - Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ)  | 850          | 850.000          | 1.070        | 1.070.000        | 1.103        | 1.103.000        | 1.106        | 1.106.000        | 753          | 753.000          | 1.106        | 1.106.000        | 49         | 49.000           |
|            | - Người trực tiếp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học   | 750          | 750.000          | 535          | 535.000          | 432          | 432.000          | 305          | 305.000          | 1.291        | 1.291.000        | 305          | 305.000          |            |                  |
|            | - Thương binh có tỷ lệ thương tật hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên tại 7 trung tâm nuôi-dưỡng điều dưỡng người có công các tỉnh liền kề                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  | 76         | 76.000           |
| <b>2</b>   | <b>Mức 500.000 đồng</b>  | <b>1.450</b> | <b>725.000</b>   | <b>2.183</b> | <b>1.091.500</b> | <b>2.420</b> | <b>1.210.000</b> | <b>1.580</b> | <b>790.000</b>   | <b>1.394</b> | <b>697.000</b>   | <b>1.580</b> | <b>790.000</b>   | <b>9</b>   | <b>4.500</b>     |
|            | - Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/1 suất quà)  | 1.450        | 725.000          | 2.183        | 1.091.500        | 2.420        | 1.210.000        | 1.580        | 790.000          | 1.394        | 697.000          | 1.580        | 790.000          | 9          | 4.500            |
| <b>II</b>  | <b>Thăm và tặng quà các tổ chức (Chi tiết theo Phụ lục 2.1)</b>  | <b>2</b>     | <b>22.000</b>    | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>         | <b>22</b>  | <b>227.000</b>   |
|            | 1 Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề; các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công của Thành phố   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  | 14         | 154.000          |
|            | 2 Các đơn vị sản xuất kinh doanh của Thương bệnh binh do Thành phố, Quận, Huyện quyết định thành lập   | 2            | 22.000           |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  | 5          | 55.000           |
|            | Thành phố thành lập  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  | 5          | 55.000           |
|            | Quận, huyện, thị xã thành lập  | 2            | 22.000           |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |            |                  |
|            | 3 Thăm Ban quản lý các nghĩa trang liệt sỹ Thành phố   |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  | 3          | 18.000           |
| <b>III</b> | <b>Tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     | <b>2</b>     | <b>5.000</b>     |            | <b>0</b>         |
| <b>IV</b>  | <b>Tổ chức 06 đoàn lãnh đạo của Thành phố đi thăm, tặng quà tập thể, cá nhân tiêu biểu (Mức 2.500.000 đồng)</b>  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  |              |                  | 12         | 30.000           |



**DỰ KIẾN KINH PHÍ THĂM TẶNG QUÀ CÁC TỔ CHỨC  
NHÂN DỊP KỶ NIỆM NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SỸ 27/7/2019**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT       | Danh sách đơn vị  | Địa chỉ                             | Mức chi/<br>1 đơn vị | Kinh phí       | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------------------------|----------------------|----------------|---------|
|           | <b>Tổng cộng</b>  |                                     |                      | <b>480.000</b> |         |
| <b>A</b>  | <b>Sở Lao động Thương binh và Xã hội</b>  |                                     |                      | <b>227.000</b> |         |
| <b>I</b>  | <b>Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề và các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công Thành phố</b> |                                     |                      | <b>154.000</b> |         |
| <b>1</b>  | <b>Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề</b>   |                                     |                      | <b>77.000</b>  |         |
| 1.1       | Trung tâm điều dưỡng người có công Thuận Thành  | Ninh Xá - Thuận Thành - Bắc Ninh    | 11.000               | 11.000         |         |
| 1.2       | Trung tâm điều dưỡng người có công Lạng Giang   | Thái Đào - Lạng Giang - Bắc Giang   | 11.000               | 11.000         |         |
| 1.3       | Trung tâm điều dưỡng người có công Nho Quan   | Đồng Phong - Nho Quan - Ninh Bình   | 11.000               | 11.000         |         |
| 1.4       | Trung tâm điều dưỡng người có công Duy Tiên   | Yên Nham - Duy Tiên - Hà Nam        | 11.000               | 11.000         |         |
| 1.5       | Trung tâm điều dưỡng người có công Phú Thọ  | Hà Thạch - Phú Thọ - Phú Thọ        | 11.000               | 11.000         |         |
| 1.6       | Trung tâm điều dưỡng thương binh Kim Bảng   | Ba Sao - Kim Bảng - Hà Nam          | 11.000               | 11.000         |         |
| 1.7       | Trung tâm điều dưỡng người có công Bắc Giang  | Quê Nham - Tân Yên - Bắc Giang      | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>2</b>  | <b>Làng hữu nghị Việt Nam</b>   | An Trai- Vân Canh- Hoài Đức- Hà Nội | 11.000               | <b>11.000</b>  |         |
| <b>3</b>  | <b>Các trung tâm nuôi dưỡng đối tượng người có công Thành phố</b>   |                                     |                      | <b>66.000</b>  |         |
| 3.1       | Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội   | Thanh Bình - Hà Đông                | 11.000               | 11.000         |         |
| 3.2       | Trung tâm Điều dưỡng Người có công số I   | Thanh Thủy - Phú Thọ                | 11.000               | 11.000         |         |
| 3.3       | Trung tâm Điều dưỡng Người có công số II  | Biên Giang - Hà Đông                | 11.000               | 11.000         |         |
| 3.4       | Trung tâm Điều dưỡng Người có công số III   | Kim Sơn - Sơn Tây                   | 11.000               | 11.000         |         |
| 3.5       | Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2   | Viên An - Ứng Hòa                   | 11.000               | 11.000         |         |
| 3.6       | Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội                            | Thôn Muối - Yên Bài - Ba Vì         | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>II</b> | <b>Các đơn vị sản xuất kinh doanh của thương bệnh binh do Thành phố quyết định thành lập</b>                                    |                                     |                      | <b>55.000</b>  |         |

| STT        | Danh sách đơn vị  | Địa chỉ                       | Mức chi/<br>1 đơn vị | Kinh phí       | Ghi chú |
|------------|---|-------------------------------|----------------------|----------------|---------|
| 1          | Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố                  | Cung Trí Thức - Cầu Giấy      | 11.000               | 11.000         |         |
| 2          | Ban phục vụ lễ tang Hà Nội                              | Phùng Hưng - Hoàn Kiếm        | 11.000               | 11.000         |         |
| 3          | Công ty TNHH một thành viên 19/12                       | Yên Hòa - Cầu Giấy            | 11.000               | 11.000         |         |
| 4          | Công ty TNHH một thành viên bao bì 27/7 Hà Nội          | Láng Hạ - Ba Đình             | 11.000               | 11.000         |         |
| 5          | Công ty TNHH Hòa Bình                                   | Đội Cấn - Ba Đình             | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>III</b> | <b>Ban quản lý các nghĩa trang</b>                      |                               |                      | <b>18.000</b>  |         |
| 1          | Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhôn                    | Tây Tựu - Từ Liêm             | 6.000                | 6.000          |         |
| 2          | Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi                | Ngọc Hồi - Thanh Trì          | 6.000                | 6.000          |         |
| 3          | Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Mai Dịch                | Mai Dịch - Cầu Giấy           | 6.000                | 6.000          |         |
| <b>B</b>   | <b>Các quận, huyện, thị xã</b>                          |                               |                      | <b>253.000</b> |         |
| <b>I</b>   | <b>Quận Ba Đình</b>                                     |                               |                      | <b>44.000</b>  |         |
| 1          | Hợp tác xã vận tải 27/7 Ba Đình                         | Hoàng Hoa Thám - Ba Đình      | 11.000               | 11.000         |         |
| 2          | Công ty cổ phần Cựu chiến binh Đại Dương                | Trúc Bạch - Ba Đình           | 11.000               | 11.000         |         |
| 3          | Công ty TNHH Quảng cáo Ngọc Hà                          | Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình    | 11.000               | 11.000         |         |
| 4          | Công ty cổ phần quảng cáo Hà Thái                       | Phan Huy Ích - Ba Đình        | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>II</b>  | <b>Quận Hoàn Kiếm</b>                                   |                               |                      | <b>22.000</b>  |         |
| 1          | Hợp tác xã thương binh 27/7                             | Hàng Mã - Hoàn Kiếm           | 11.000               | 11.000         |         |
| 2          | Công ty cổ phần Công Minh Mỹ Việt thương binh 27-7      | Số 58B Bà Triệu - Hoàn Kiếm   | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>III</b> | <b>Quận Đống Đa</b>                                     |                               |                      | <b>33.000</b>  |         |
| 1          | Công ty TNHH Việt Hùng                                  | Thái Hà - Đống Đa             | 11.000               | 11.000         |         |
| 2          | Công ty cổ phần sản xuất và thương mại cựu chiến binh   | 2/29. Xã Đàn - Đống Đa        | 11.000               | 11.000         |         |
| 3          | Công ty cổ phần dịch vụ thương binh Thành Đô            | Láng Thượng - Đống Đa         | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>IV</b>  | <b>Quận Hai Bà Trưng</b>                                |                               |                      | <b>11.000</b>  |         |
| 1          | Xưởng sản xuất thương binh Hai Bà Trưng                 | 342 Phố Huế - Hai Bà Trưng    | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>V</b>   | <b>Quận Hà Đông</b>                                     |                               |                      | <b>22.000</b>  |         |
| 1          | Công ty TNHH thương binh và NTT 3-2                     | 10 Nguyễn Viết Xuân - Hà Đông | 11.000               | 11.000         |         |
| 2          | Doanh nghiệp tư nhân Hà Hải                             | 18 Lê Trọng Tấn - La Khê      | 11.000               | 11.000         |         |
| <b>VI</b>  | <b>Quận Hoàng Mai</b>                                   |                               |                      | <b>33.000</b>  |         |
| 1          | Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản thương mại dịch vụ 19/12 | Yên Sở - Hoàng Mai            | 11.000               | 11.000         |         |

| STT         | Danh sách đơn vị  | Địa chỉ                    | Mức chi/<br>1 đơn vị | Kinh phí      | Ghi chú |
|-------------|---|----------------------------|----------------------|---------------|---------|
| 2           | Công ty cổ phần dịch vụ - thương mại xuất nhập khẩu Nam Á           | Tô 15 Yên Sở - Hoàng Mai   | 11.000               | 11.000        |         |
| 3           | Công ty TNHH thương mại Thịnh Sơn                                   | Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai  | 11.000               | 11.000        |         |
| <b>VII</b>  | <b>Quận Long Biên</b>   |                            |                      | <b>22.000</b> |         |
| 1           | Hợp tác xã Công nghiệp 20/10 Long Biên                              | Ngọc Lâm - Long Biên       | 11.000               | 11.000        |         |
| 2           | Công ty TNHH cơ khí chế tạo và dịch vụ tổng hợp 27/7                | Đức Giang - Long Biên      | 11.000               | 11.000        |         |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Đông Anh</b>   |                            |                      | <b>11.000</b> |         |
| 1           | Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng thương binh Phúc Lâm Đông Anh | Mai Lâm - Đông Anh         | 11.000               | 11.000        |         |
| <b>IX</b>   | <b>Huyện Gia Lâm</b>  |                            |                      | <b>11.000</b> |         |
| 1           | Hợp tác xã thương binh 22/12 Gia Lâm                                | Văn Đức - Gia Lâm          | 11.000               | 11.000        |         |
| <b>X</b>    | <b>Huyện Thanh Trì</b>  |                            |                      | <b>33.000</b> |         |
| 1           | Công ty cổ phần 27/7 Hồng Quang                                     | Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì | 11.000               | 11.000        |         |
| 2           | Hợp tác xã kinh doanh DV tổng hợp TB 10/10                          | TT Văn Điển - Thanh Trì    | 11.000               | 11.000        |         |
| 3           | Công ty TNHH thương binh Thanh Trì                                  | Tả Thanh Oai - Thanh Trì   | 11.000               | 11.000        |         |
| <b>XI</b>   | <b>Quận Tây Hồ</b>  |                            |                      | <b>11.000</b> |         |
| 1           | Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp nhiệt lạnh Hà Nội                    | Yên Phụ - Tây Hồ           | 11.000               | 11.000        |         |